TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 6 - 2026
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Trung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Siu Thun Phrâo
2. Ông Nguyễn Văn Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 53/2026/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026, của Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Gia Lai về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1989, CCCD số: 0641.8901.4360;
Địa chỉ: Số G T, xã P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987, CCCD số: 0640.8701.3422
Địa chỉ: Số B N, thôn M, xã C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương trình B:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Uỷ bản nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai vào ngày 16/11/2017 *(Nay là xã C, tỉnh Gia Lai)*. Cuộc sống chung của vợ chồng sau khi kết hôn có hạnh phúc, sau đó giữa vợ chồng chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau và bất đồng về quan điểm sống. Do mâu thuẫn quá trầm trọng và không thể tự hàn gắn được nên cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, chị và anh T đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Hiện tại, chị nhận thấy giữa chị và anh T

không còn tình cảm yêu thương giành cho nhau vì mâu thuẫn giữa vợ chồng quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Toà án xem xét, giải quyết các vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là: Nguyễn Phương L, sinh ngày 27/7/2017 và Nguyễn Thùy L1, sinh ngày 16/02/2019. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả 02 chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* *Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh T:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Thanh T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà hôm nay, anh T tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết; mặc dù anh Nguyễn Thanh T biết rõ chị Nguyễn Thị P khởi kiện xin ly hôn với anh tại Tòa án.

Các cháu Nguyễn Phương L và Nguyễn Thùy L1 có nguyện vọng sống với mẹ là chị Nguyễn Thị P khi chị P và anh T ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị P trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là Nguyễn Phương L, sinh ngày 27/7/2017 và Nguyễn Thùy L1, sinh ngày 16/02/2019. Anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật *(Có bài phát biểu kèm theo)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Anh T1 hiện cư trú tại số B N, thôn M, xã C, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Thanh T và yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P thấy rằng:

Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 248/2017 ngày 16/11/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (Nay là xã C, tỉnh Gia Lai). Việc kết hôn của chị P và anh T đảm bảo về điều kiện kết hôn, được cơ quan có thẩm quyền đăng ký theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng mà không thể hàn gắn được. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên anh, chị đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù Tòa án triệu tập lấy ý kiến, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, song anh T đều cố tính vắng mặt mà không có lý do, không có thiện chí trong việc duy trì hạnh phúc gia đình mà phó mặc cho việc giải quyết của Tòa án.

Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Thanh T là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù anh chị là vợ chồng nhưng đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Do đó căn cứ các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là các cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 27/7/2017 và Nguyễn Thùy L1, sinh ngày 16/02/2019. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng các con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Xét các cháu Nguyễn Phương L và Nguyễn Thùy L1 hiện đang ở với chị P và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng tốt mặc dù anh Nguyễn Thanh T không chu cấp hay hỗ trợ để chị nuôi con. Chị P có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao các cháu Nguyễn Phương L và Nguyễn Thùy L1 cho chị Nguyễn Thị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét việc áp dụng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, 244 và 266 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

1.2 Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 27/7/2017 và Nguyễn Thùy L1, sinh ngày 16/02/2019 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục từ nay cho đến khi các cháu Nguyễn Thùy L1 và Nguyễn Phương L thành niên và tự lập được hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2. *Về án phí:* Buộc chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002140 ngày 13/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 11- Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 11- Gia Lai;
- UBND xã Chư Sê; (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Ngọc Trung